



BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

No. 50, Fall 2000

2001 Talmage Rd., Talmage, CA 95481- 0217

Sáng sớm rửa tay sắp
chuyển kinh
Chẳng cầu phước lợi,
khỏi tai tinh
Duyên đời đáng dứt thì
cho dứt
Nhà cửa phù sinh tạm
múa hình!

Lục Ngạn cư sĩ
(*Mấy Điện Sen Xanh*)

Đọc trong số này

- Khai Thị:
*Phải Cứu Văn Ngụy Cơ
của Thế Giới*
- Lời Cảnh Tỉnh
Có Vô Minh và Duyên Giúp Ích
- Kim Cang Kinh Thiển Thích
14. Ly Tướng Tịch Diệt
- Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni
- Thông Báo
- HT Hư Vân Hòa Truyện
*#23. Không Tham Văn Lợi
Dương*

Phát Hành

Dharma Realm Buddhist Association
The City of Ten Thousand Buddhas
(Vạn Phật Thánh Thành)
P. O. Box 217
Talmage, CA 95481-0217
Tel. (707) 462 - 0939
Fax. (707) 462 - 0949
bodehai@hotmail.com
www.saigon.com/~fopusa

Phải Cứu Văn Ngụy Cơ của Thế Giới

Saving the World from Calamities

Ven. Master Hsuan Hua

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu một vấn đề lớn, nhưng vấn đề gì cũng không ngoài phạm vi bốn chữ “thiện ác nhân quả.” Thiện sẽ thắng, ác sẽ bại, đó là luật nhân quả. Người ta thường nói: “Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu.” Cũng vì lẽ đó mà thế giới của chúng ta mỗi không bị hủy diệt. Nếu quả có lý ngược lại, nghĩa là thiện thì bại, ác thì thắng, thì chẳng còn thiên lý nữa, mà không còn thiên lý, thì thế giới đã bị hủy diệt, tức là đã có ngày tận thế.

Làm sao để thế giới không bị hủy diệt? Phải cải thiện nhân tâm. Lòng người hưởng thiện thì ánh sáng sẽ chiếu khắp thế

Let's investigate a grave problem. Every problem falls within the scope of good and evil, cause and effect. The law of cause and effect says that good people win and evil people lose. As it is said, “Planting melons, one harvests melons; planting beans, one harvests beans.” It is because of this principle that the world has not been ruined. If good people lost and bad people won, there would be no justice. When there is no justice, the world will be destroyed; it will be the end of the world.

How do we keep this world from being destroyed? By improving human minds. When human minds are wholesome, there will be bright light throughout the world. Bright light is just wisdom.

giỏi. Ánh sáng là trí huệ, mà người có trí huệ, là người có tâm chánh, mọi điều họ tạo tác, họ hành động đều chánh đại quang minh, không có tư tâm vị kỷ. Tâm tưởng đều nhất loạt hướng tới hạnh phúc của nhân loại, không hề phân biệt, chủng tộc này, quốc gia kia, thiên hạ đều gom lại một nhà của đại đồng thế giới. Nay thì lòng người khác xưa, phần đông đều ích kỷ, tự lợi, chỉ tranh đua quyền lợi cho riêng mình mà hy sinh hạnh phúc của tập thể, cho nên thế giới mỗi ngày một đen tối, mỗi ngày một ngu si, mỗi ngày một thêm nguy hiểm. Ngày hủy diệt như đã gần kề, chỉ trong đường tơ kẽ tóc, mà nếu không tìm biện pháp cứu vãn, thì tất cả đều chung một số phận, chẳng ai còn một cơ may sống sót. Nhưng làm sao cứu vãn đây? Kinh có dạy: “Các điều ác chẳng làm, các điều thiện phụng hành.” Ai ai cũng hướng thiện, không hướng tới ác, trên từ vị nguyên thủ, dưới tới tận trăm họ, mọi người đều lấy trí huệ làm ánh sáng để xua đuổi ngu si và hắc ám. Nếu được như vậy thì bộ mặt thế giới sẽ đổi từ âm qua dương, và chiến tranh sẽ biến thành hòa bình.

Nay chúng ta dường sống trong cảnh đêm dài dằng dặc, sống và chết trong cảnh mộng say. Bối đêm dằng dặc mới thấy cần ánh sáng; vì tối tăm nên lòng người ưu uất sầu muộn. Trong bầu ánh sáng, nhân tâm sẽ hoan hỷ. Hắc ám và quang minh chỉ tại lòng người thiện ác. Hủy diệt thế giới là ở nhân tâm, mà sáng tạo thế giới cũng ở tại nhân tâm. Chúng ta là người học pháp Phật, chính là trừ bỏ vọng tâm tìm chân tâm, cho nên Phật pháp chính là lá bùa cứu vãn thế giới, cái gương quý cái thiện nhân tâm.

Phàm chuyện đời cái gì có lợi thì ít có cái tệ hại. Tỷ dụ như cái máy truyền hình, nó có thể cho ta biết chuyện lớn trong nước và các diễn

Wise people are righteous. Their actions are great, bright, and proper, not motivated by selfishness. In everything they do, they want to bring happiness to all humankind. Since they don't discriminate between races or nations, the whole world becomes one great family. The people of today are not like the ancients. They are selfish and often seek to benefit themselves at the cost of the sacrificing the benefit of the whole.

That is why this world has become darker, stupider, and more dangerous with each passing day. It is on the very brink of destruction. It is only hanging on by a hair. If no one tries to save it, we will all perish together and no one will survive. Well, how do we save it? As the saying goes, “Refrain from all evil, and practice all good.” Everyone turns towards the good, and away from evil. From the national leader down to common citizens, if everyone can use the light of wisdom to shine through the darkness of stupidity, this dark world will become bright and wars will turn into peace.

Presently, we are living in the long, dark night of delusion. Since the long night is pitch black, we need some light. Darkness makes people gloomy, while light makes people happy. Whether there is darkness or light depends on the good and evil in our minds. The world is destroyed because of the mind, and it is also created because of the mind. We who study the Dharma have to get rid of the false mind and keep the true mind. And so the Buddhadharma is the precious raft that can save the world's people. It is also the precious mirror that can make people's minds more wholesome.

Everything in this world has its advantages as well as its disadvantages. For example, television can keep people updated on national and international affairs. There's a saying, “A scholar doesn't need to go out his door to know the

biến quốc tế. Một câu người ta hay nói: “Tú tài bất xuất môn, tiện tri thiên hạ sự,” tú tài chẳng ra khỏi cửa mà biết hết cả chuyện thiên hạ. Đây là dụng ích tốt của máy truyền hình, nhưng nó cũng có khía cạnh xấu. Con nít coi truyền hình thường bị ảnh hưởng xấu, học lối gian dối, làm những hành vi trái đạo lý, khiến mất hạnh phúc trong gia đình, gây hỗn loạn trong xã hội, thành những thiếu niên bất hảo, đâu đâu cũng gây chuyện thị phi. Nếu như vậy rồi mai sau những hạng đó ra chấp chánh thì làm sao có hòa bình được? Đó là một trong cái hại của máy truyền hình. Như chúng ta lo cho thế hệ sau, lo cho tương lai thế giới thì nên nghiêm cấm con nít không cho xem truyền hình, hoặc giả tuyệt đối không mua máy truyền hình, đó chính là biện pháp rất ráo, chặn tử gốc của cái họa tạo điều ác.

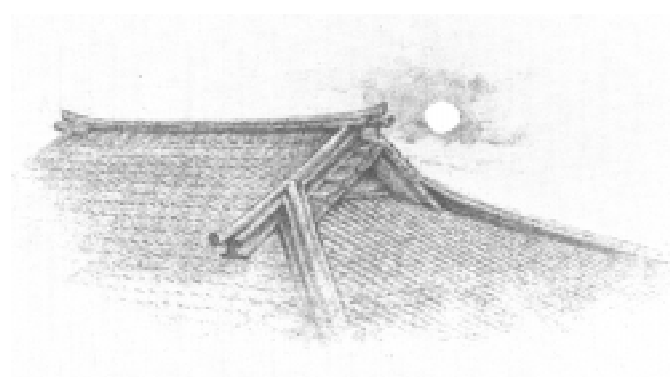
Thế giới ngày nay đã đi tới giai đoạn mà sự trong sáng đã bị che mờ thành màu u ám. Vậy phải làm sao? Là một thành phần của nhân loại, trước hết chúng ta hãy đem bốn thân mình ra để cố gắng, bài trừ các tập khí của chúng ta, mang hết tâm tham, tâm sân, tâm si ra gạn lọc, lấy bốn thân mình để ảnh hưởng đến người khác. Tư tưởng cùng hành vi của chính chúng ta phải thật là đúng mực thì sau đó mới khuyên nhủ được mọi người hướng thiện, lấy đó làm khuôn mẫu, nếu không thì chỉ là chuyện nói để chơi, chẳng ích lợi gì.

Phàm người chịu gánh vác việc thiên hạ, đều có tư tưởng thương xót nhân loại. Như đức Phật Thích-ca năm xưa, khi tu đạo Bồ-tát, Ngài chịu khổ hạnh như vậy. Tại sao? Bởi muốn tạo ảnh hưởng trong chúng sanh, khiến chúng sanh y pháp tu hành, mới có thể lìa khỏi khổ được an vui. Tôi thường nói: “Chịu khổ thì hết khổ, hưởng phúc thì tiêu hao phúc.”

affairs of the country.” This is the advantage of having a television, but there are also disadvantages. Television is often a bad influence on children. It teaches them how to cheat and behave in unprincipled and harmful ways, causing problems in the family and disturbing the peace of the society. Such children become juvenile delinquents who make trouble everywhere they go. If they go on to become political leaders in the future, how can there be peace in the world? This is the harm caused by television. For the sake of protecting the next generation as well as the people of the future, we should not allow our children to watch television. The best solution, which nips the problem in the bud, is not to buy a T.V. set in the first place.

The world has now become extremely polluted and defiled. What can we do about it? As members of the human race, we have to begin with ourselves. We should purge ourselves of our bad habits and faults, and purify our minds of greed, hatred, and stupidity. By setting a good example, we can influence others to do the same. Before we can be good models and exhort others to do good, we have to make sure that our own conduct and thinking is completely correct. Otherwise, everything we say will be futile and of no help to the situation.

Someone who feels responsible for the welfare of the entire world is motivated by compassion for all people. Shakyamuni Buddha, for example, underwent tremendous suffering in his past lives when he was cultivating the Bodhisattva Way. Why did he do so? He wanted to influence living beings to cultivate the Dharma, so that they would be able to leave suffering and attain happiness. As I often say, “To endure suffering is to end suffering; to enjoy blessings is to diminish blessings.” You should all take this as your motto.



Lời Cảnh Tỉnh

Sư Cô Chứng Nghiêm

7. CỎ VÔ MINH VÀ DUYÊN GIÚP ÍCH

Quan điểm về nghịch cảnh và thị phi

- Khi nghịch cảnh và chuyện thị phi tới, bạn hãy giữ trong tâm chữ *Rộng rãi*.
- Ở đời chẳng có chuyện gì dễ dàng. Không có nghịch cảnh, thì mình không xứng đáng làm ngọn hải đăng cho cõi đời.
- Trong Phật giáo, nghịch cảnh được gọi là *duyên giúp ích* (trợ duyên). Do đó khi bạn gặp nghịch cảnh, bạn nên sinh lòng cảm kích. (Duyên lành ngẫu nhiên) có thể gặp mà chẳng thể cầu!
- Việc gian nan, khảo đảo, rắc rối đều là thử thách. Thanh kiếm phải nhờ lửa nơi đá mài thì mới sắc bén được. Viên ngọc thô phải gọt dũa mới phát huy được nét đẹp sáng chói của nó.
- Tu hành phải vượt qua thử thách. Phải rèn luyện tâm động thành ra tâm tĩnh. Dù ở trong cảnh động mà không động tâm.
- Tu hành thì từng giờ, từng phút, từng giây, mãi hoài chẳng nghỉ. Làm việc cũng phải trải qua vô số chuyện thử thách.
- Người ta thường bị kẹt trong cái nhìn của chính mình. Tri âm tức là chân lý. Không phải tri âm thì biến thành thị phi.
- Cái mà người ta khó thấy nhất là bản ngã, là chính mình. Thường ngày ai cũng mở to mắt nhìn bên ngoài: nói người này thế này thế nọ, bàn chuyện đời như thế như kia, mà chẳng biết rằng mình cũng nằm trong phạm vi đó. Nếu tách riêng cái tôi này ra, đem bản ngã làm đối tượng để quan sát thì mới thấy rõ ràng được sự lý mọi chuyện.
- Hãy tha thứ cho kẻ vô ý làm tổn hại người khác. Cũng chớ nên dễ dàng bị người ta làm tổn thương.
- Hễ đã nghi ngờ ai, bạn chẳng thể yêu

mến người ấy. Hễ nghi ngờ ai, bạn cũng khó tha thứ họ. Hễ nghi ngờ ai, bạn cũng chẳng tin tưởng họ.

- Thêm một phần hoài nghi người nào thì mình sẽ bớt đi một phần tự tin. Khi phủ nhận mọi thứ trên đời, bạn sẽ mất hết lòng tin nơi mình.
- Hãy xem những chuyện thị phi là bài học.
- Xem khen ngợi là lời cảnh giác (đừng kiêu ngạo, hãy tự kiểm đức hạnh).
- Xem việc hiềm ghét ruồng bỏ là cơ hội phản tỉnh.
- Lấy sự làm lẫn, hiểu lầm làm kinh nghiệm (để cải thiện).
- Bất kỳ sự phê bình nào cũng là bài học quý giá.
- Khi người ta mắng chửi mình, chẳng hiểu mình, hủy báng mình, mình nên sinh lòng cảm kích họ. Hãy cảm ơn họ vì họ đã tạo ra cảnh giới để mình tu hành.
- Khi tâm thuần chính thì không sợ ai hủy báng cả. Chỉ cần bạn làm việc cho chính (đúng đắn, đàng hoàng), cho chân thành thì mặc ai muốn hủy báng, họ chỉ làm nhân cách của bạn thêm trắng hoa (trở nên cao thượng hơn) mà thôi.
- Việc sai lầm tới: biến nó thành đúng đắn. Chuyện xấu ác đến: biến nó thành tốt lành. Bất luận chuyện thị phi gì bạn cũng hãy khéo léo hiểu thấu thì không còn gì là thị phi nữa. Nghe chuyện thị phi gì, bạn cũng xem nó như là duyên giúp ích việc tu hành. Nhất định chớ để cỏ vô minh mọc đầy tràn trong tâm bạn.
- Nếu mỗi người ai ai cũng rửa sạch lòng ngã mạn, đừng chấp vào cái “tôi”, dẹp đi tánh vô minh nóng nảy, thì giữa người với người sẽ chẳng bao giờ sản sinh chuyện thị phi.
- Hãy xem chuyện thị phi là bài học. Làm vậy, mình có thể chuyển hoá những chuyện không vừa lòng thành lợi khí cải thiện tự ngã. Chuyện người ta, mình chớ thị phi (bàn cãi ai đúng, ai sai, ai tốt, ai xấu). Bởi vì chuyện thị phi chỉ khiến mình cảm giác rằng đời người thật đau khổ mà thôi. Kỳ thật, mỗi chuyện hàng ngày, dù nhỏ nhất đến đâu, cũng là bộ Đại Tạng Kinh - kho tàng kinh điển - sống động.



Bồ Đề Hải (ISSN 1530 – 9924) is published quarterly by Dharma Realm Buddhist Association, 2001 Talmage Rd., Talmage, CA 95481-0217. Periodicals Postage Paid at Talmage, CA, and at additional mailing offices. POSTMASTER: Send address changes to **BỒ ĐỀ HẢI**, P.O. Box 217, Talmage, CA 95481-0217.



Lược Giảng Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật

Hòa Thượng Tuyên Hóa

tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969.

ĐOAN MUỖI BỐN:

NHƯ PHÁP THỌ TRÌ

Bấy giờ, ngài Tu-bồ-đề nghe Phật thuyết Kinh này, hiểu thấu được nghĩa thú của kinh, rơi lệ khóc, mà bạch Phật rằng: Hiếm có thay, Thế-tôn! Phật diễn nói kinh diễn thâm sâu như thế, từ lúc xưa được huệ nhãn cho đến nay, con chưa từng được nghe kinh như thế.

Bạch Thế-tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh, ắt sanh thật tướng, phải biết người ấy thành tựu được công đức hiếm có, đệ nhất. Bạch Thế-tôn! Thật tướng ấy, tức không phải tướng, cho nên Như-lai nói là thật tướng. Bạch Thế-tôn! Nay con được nghe kinh diễn như thế, tin hiểu thọ trì, chẳng cho là khó. Nếu trong tương lai, khoảng năm trăm năm sau cùng, có chúng sanh nào được nghe Kinh này, rồi tin, hiểu, thọ, trì, người ấy ắt là hiếm có, là đệ nhất.

Bởi vì sao? Vì người ấy không tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì sao? Vì tướng ngã, tức là phi tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh,

tướng thọ giả, tức là phi tướng. Bởi vì sao? Vì lìa tất cả chư tướng, tức gọi là chư Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế! Đúng thế! Nếu lại có người được nghe Kinh này, chẳng kinh, chẳng hải, chẳng sợ, phải biết người đó rất là hiếm có. Tại vì sao? Tu-bồ-đề! Như-lai thuyết đệ nhất ba-la-mật tức chẳng phải đệ nhất ba-la-mật, ấy gọi là đệ nhất ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Như-lai nói nhãn nhục ba-la-mật tức không phải nhãn nhục ba-la-mật, ấy gọi là nhãn nhục ba-la-mật. Tại sao? Tu-bồ-đề! Như ta thuở xưa bị vua Ca-lợi chặt đứt thân thể, lúc đó ta không tướng ngã, không tướng nhân, không tướng chúng sanh, không tướng thọ giả. Tại sao? Lúc ấy, khi thân thể bị chặt đứt từng mảnh, nếu ta có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì ắt là ta đã sanh tâm sân hận.

Tu-bồ-đề! Lại nhớ kiếp quá khứ, ta làm Tiên Nhãn-nhục trong năm trăm đời, vào thuở ấy không tướng ngã, không tướng nhân, không tướng chúng sanh, không tướng thọ giả.

Bởi vậy, Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải nên lìa tất cả tướng, phải nên phát tâm a-nậu-

đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, chẳng nên sanh tâm trụ nơi sắc, chẳng nên sanh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm không chỗ trụ. Nếu tâm có chỗ trụ, tức là không phải trụ. Bởi vậy, Phật nói rằng tâm Bồ-tát không nên trụ sắc mà bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì để lợi ích tất cả chúng sanh, cần phải bố thí như thế. Như-lai nói tất cả các tướng, tức là phi tướng, lại nói tất cả chúng sanh, tức là phi chúng sanh.

Tu-bồ-đề! Như-lai nói lời chân, nói lời thật, lời như như, lời không dối, lời chẳng sai khác. Tu-bồ-đề! Pháp mà Như-lai chứng đắc, pháp ấy không thật, không hư. Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tâm trụ nơi pháp mà làm bố thí thì như người vào chỗ tối chẳng thấy gì cả. Nếu Bồ-tát tâm chẳng trụ pháp mà làm bố thí, thì như người có mắt, thêm mặt trời chiếu sáng nữa, thấy hết mọi hình sắc.

Tu-bồ-đề! Đời sau này, nếu có người thiện nam, người thiện nữ, có thể thọ trì đọc tụng Kinh này, thì trí huệ của Như-lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều thành tựu công đức vô biên vô lượng.

quy thú của kinh, ông hoàn toàn hiểu rõ ràng, trong lòng hết sức hoan hỷ, nước mắt tuôn rơi và khóc.

Lòng đã hoan hỷ sao còn khóc? Thường thường đối với mọi người chúng ta, khi nào lòng cảm thấy vui cực điểm, nước mắt hay chảy ra, cho nên có câu "vui quá mà khóc," đây chính là trường hợp khóc cười chẳng đặng, một trạng thái xúc động tràn ngập đến cực độ. Các bạn bảo Ngài ấy vui sướng ư? Nhưng sao lại thấy Ngài khóc? Các bạn bảo Ngài khóc ư? Sao lại thấy Ngài vui sướng! Nguyên do Đức Phật nói pháp bát-nhã, ông Tu-bồ-đề thấy quá màu nhiệm, mà lòng cảm thấy khóc cười chẳng đặng. Trạng huống này chẳng phải vì Đức Phật thuyết pháp chưa rốt ráo, mà chính vì Ngài Tu-bồ-đề khóc cười chẳng đặng, vui sướng quá độ trước pháp màu bát nhã của biệt giáo mà Phật vừa thuyết giảng (giáo lý Phật dạy được chia ra: tạng giáo, thông giáo, biệt giáo, viên giáo; pháp môn bát-nhã thuộc biệt giáo). Khi được nghe tới diệu pháp bát-nhã này của biệt giáo, Ngài Tu-bồ-đề liền cảm thấy vừa hoan hỷ vừa bi ai.

Bi ai chính là:

Lược giải:

Bấy giờ, Tu-bồ-đề nghe Phật thuyết kinh này, hiểu thấu được nghĩa thú của kinh, rơi lệ khóc,

Ngộ dĩ vãng chi bất giác

Tri lai giả chi khả trụ

Thực mê đồ kỳ vị viễn

Giác kim thị nhi tạc phi.

(Đào Tiềm)

Lúc bấy giờ, sau khi trưởng lão Tu-bồ-đề nghe Phật giảng thuyết, đối với đạo lý vô tướng của *Kinh Kim Cang*, ngài hiểu thấu được một cách sâu xa, đối với ý nghĩa và

Dịch nghĩa:

Ngộ xưa kia điều làm lẫn

Biết mai này còn sửa kịp

*Thật đường mê sửa dấu chân
Bình tình: Xưa dại nay khôn.
(Nguyễn Hiến Lê)*

Ngài Tu-bồ-đề nghĩ lại ngày trước Ngài đã ưa pháp Tiểu thừa, pháp Thanh văn, đó là điều sai lầm, nay giác ngộ cái dĩ vãng đã rồi và hiểu rằng tương lai có thể sửa đổi kịp thời. Ngài biết mình đã từng đi con đường hẻm, đường lầm lẫn, bởi theo nhãn quan của Đại thừa thì Tiểu thừa là đường hẻm, sai lầm. Có điều, khúc đường lạc đó chẳng đi xa là bao, nên nay cầu pháp Đại thừa là đúng, pháp Tiểu thừa xưa kia là sai. Bởi có những cảm giác hỗn hợp như vậy, nên trong lòng vừa buồn vừa vui, nước mắt tuôn rơi mà bạch Phật.

Mà bạch Phật rằng: Hiếm có thay, Thế-tôn! Phật điển nói kinh điển thâm sâu như thế, từ lúc xưa được huệ nhãn cho đến nay, con chưa từng được nghe kinh như thế.

"Hiếm có thay, Thế-tôn!" mấy chữ này ở phần đầu kinh (Phần 1: Pháp Hội Nhân Do) cũng được Ngài Tu-bồ-đề nói lên, để tán thán pháp bát-nhã biểu lộ qua tư thái thường nhật của Đức Phật Thích Ca, qua các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Đoạn này, chữ "hiếm có" nói lên sự thâm sâu hy hữu của kinh điển. Ngài Tu-bồ-đề muốn nói rằng kinh điển này mới là thâm sâu hiếm có, sâu xa tới mức các hàng Tiểu thừa không thể hiểu thấu được dễ dàng.

Ông nói: "Con đã từng gần Phật, theo Ngài để học Phật-pháp, nên có được huệ nhãn..." Huệ nhãn là trí huệ, con mắt trí huệ, một trong 5 loại mắt (Ngũ nhãn), cũng có thể giảng là lấy trí huệ làm con mắt,

không phải là con mắt không thấy đường, ai bảo sao thì theo vậy. Mắt không thấy đường là sao? Là người mù dẫn người mù, chẳng kiếm ra đường lối. Sao lại đến tình trạng kẻ mù dẫn kẻ mù? Chỉ vì không có con mắt trí huệ, bởi nếu có mắt trí huệ thì nhận ra ngay cái gì phải, cái gì trái, hắc bạch phân minh. Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: "Từ ngày học đạo được trí huệ đến nay, con chưa từng nghe pháp môn bát nhã Phật vừa thuyết giảng."

Bạch Thế-tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh, ắt sanh thật tướng, phải biết người ấy thành tựu được công đức hiếm có, và đệ nhất.

Ngài Tu-bồ-đề thưa lên Phật rằng: Con nay đã nghe và đã tin. Giả như nếu có người nghe kinh này mà sanh lòng tin thanh tịnh. . . Tin một cách thanh tịnh nghĩa là không hề mảy may nghi hoặc, chỉ chuyên nhất một lòng trong suốt, không gợn, không dao động. Người có được lòng tin thanh tịnh như vậy thì sẽ sanh xuất dạng thật tướng bát nhã - vô tướng trí huệ. Cũng nên biết rằng sự thành tựu của người đó là bậc nhất, là rất hiếm có. Công đức của người đó thì cũng không có gì có thể sánh bằng. Tại sao? Lòng tin chuyên nhất, không nghi hoặc, tin đến độ tột cùng thì sẽ chứng được thật tướng lý thể, mà đạt được lý thể thật tướng thì đúng là hiếm có, là đệ nhất rồi.

Bạch Thế-tôn! Thật tướng ấy, tức không phải tướng, cho nên Như-lai nói là thật tướng. Bạch Thế-tôn! Nay con được nghe kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì, chẳng cho là khó.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng thật tướng là phi tướng, cũng là vô tướng, bởi Như-lai nói thật tướng là vô tướng. Ông cho hay ông được nghe *Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật* thì sanh lòng tin thanh tịnh, lấy tâm thọ lãnh, lấy thân tu trì, ông nghĩ điều đó đối với ông không khó khăn. Tại sao đối với ông Tu-bồ-đề thì không khó khăn? Bởi vì trong nhiều kiếp xa xưa, ông đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng mọi căn lành, nên ông nói “chẳng cho là khó.”

Căn lành có mười một loại: Thứ nhất là tín căn, thứ nhì tâm căn, thứ ba quý căn. Như quý vị gặp một việc gì mà tự mình cảm thấy đã làm sai, nên sửa đổi lại, cải ác hướng thiện, trong lòng nảy sinh tâm tâm quý (hổ thẹn), đó là sự biểu hiện cái hay, thuộc về thiện căn. Nếu chẳng biết tâm quý tức là không có thiện căn. Thứ tư là vô tham, thứ năm vô sân, thứ sáu vô si, thứ bảy tinh tấn, thứ tám khinh an, như trạng thái an nhiên nhẹ nhàng trong lúc ngồi thiền chẳng hạn. Thứ chín là không phóng dật. Phóng dật (buông lung) là không theo đúng quy củ, không phóng dật là giữ đúng quy củ. Thứ mười là bất hại, nghĩa là không hại người khác. Thứ mười một là hành xả, nghĩa là bố thí. Mười một loại trên thuộc về các căn lành trong các loại tâm sở.

Nếu trong tương lai, khoảng năm trăm năm sau cùng, có chúng sanh nào được nghe kinh này, rồi tin, hiểu, thọ, trì, người ấy ắt là hiếm có, là đệ nhất.

Ông Tu-bồ-đề nói rằng đối với ông thì sanh lòng tin, và thọ trì kinh, không phải là khó, nhưng trong tương lai, khoảng năm trăm năm sau cùng, tức đời mạt pháp, thời kỳ đấu tranh kiên cố, lại có người khi nghe *Kinh Kim Cang* liền sanh lòng tin, hiểu, thọ, trì, thì người đó ắt là

hiếm có và là đệ nhất trong số chúng sanh đời mạt pháp.

Bởi vì sao? Vì người ấy không tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

Vì duyên có gì? Vì người đó không có tướng ngã, không tướng nhân, không tướng chúng sanh, không tướng thọ giả. Vì không ngã tướng nên lòng không tham, không nhân tướng nên không sân, không chúng sanh tướng nên không si, không thọ giả tướng nên không có tâm ái. Tóm lại, vì không *tham, sân, si, ái*, nên họ không có bốn loại vọng niệm ấy.

Vì sao? Vì tướng ngã, tức là phi tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tức là phi tướng. Bởi vì sao? Vì lia tất cả chư tướng, tức gọi là chư Phật.

Chỗ này nghĩa là gì? Tướng ngã phải là không có tướng; tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả cũng đều là vô tướng, đều phải lia tướng. Vô tướng chính là thật tướng, cho nên nói “lia tất cả chư tướng, tức gọi là chư Phật.” Lia được tất cả phi tướng chính là thật tướng, nếu như đạt được thật tướng tức là chúng được cái lý thể tự tánh của chư Phật, tức là thành Phật vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đúng thế! Đúng thế! Nếu lại có người được nghe kinh này, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ,

Phật nghe xong, nói với Tu-bồ-đề rằng: “Ông trình bày ý kiến rất đúng. Giả sử có người nghe xong bộ *Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật* này, lòng không kinh, không hãi sợ. . .”

Tại sao lại phải kinh sợ? Bởi vì phàm phu chúng ta quen chấp ngã tướng, một khi nghe đến “không có ngã,” bèn hoảng sợ, tự hỏi: “Cái tôi

chạy đi đâu rồi? Tôi đang hiện hữu sờ sờ đây, thế nào lại không có tôi?” Phàm phu nghe nói đến pháp môn bát-nhã vô tướng, thì có sự sợ hãi, đây là niềm kinh, hãi, sợ của phàm phu.

Đối với hàng nhị thừa, thì tuy không còn tướng ngã, họ vẫn còn chấp pháp. Khi nghe đến câu “pháp còn phải bỏ,” họ cũng hãi sợ. Tại sao lại bỏ cả pháp? Bỏ pháp đi lấy gì mà tu hành? Đó là kinh, hãi, sợ của nhị thừa.

Các hàng Bồ-tát quyền-thừa đã chứng được nhân không, pháp không, nhưng chưa đạt được lẽ không không. Cái không đã chứng đắc đó cũng phải giải quyết, cho nó không luôn. Nếu lại giữ cái không, tức là chấp không. Cho nên, trong Phật-pháp, giải quyết được ngã chấp, pháp chấp, còn phải đoạn trừ không chấp. Nếu khư khư giữ cái không lại, gọi là *trầm không trệ tịch*, cũng là làm. Nên ta phải đứng ở giữa cái không: Nhân không, pháp không, không không.

Phải biết người đó rất là hiếm có.

Đối với người hiểu rõ thật tướng bát-nhã ba-la-mật, nghe xong không hề tỏ ra hãi sợ, Đức Phật nói rằng “phải biết người đó rất là hiếm có.”

Đa số chúng ta, khi nào làm được chút xíu công đức, thì tuyên bố này nọ, y như Lương Vũ-Đế năm xưa, cái đó thực là quá si mê. Chẳng qua vì không hiểu rõ pháp môn bát-nhã. Hiểu được pháp môn bát-nhã, thì quá khứ có chuyện gì cũng coi như không. Như còn chút xíu tư vương, thì còn trở ngại, cho nên trong *Tâm Kinh* có câu: “vô quá ngại cố, vô hữu khủng bố.” Quý vị có chút công đức mà để cho ý niệm đó vương mãi trong lòng, thì đúng là trở ngại, làm sao “xa lìa được điên đảo vọng tưởng” để tới được “cứu cánh niết-bàn?” Ý nghĩa của *Tâm Kinh* thật là nhiệm màu vô cùng.

Tại vì sao? Tu-bồ-đề! Như-lai nói đệ nhất ba-la-mật tức chẳng phải đệ nhất ba-la-mật, ấy gọi là đệ nhất ba-la-mật.

Phật bảo tại sao một người như vậy là hiếm có. Như-lai nói đệ nhất ba-la-mật, là chiếu theo trung đạo viên lý mà nói. Nếu y chiếu theo chân đế mà giảng, thì thật ra chẳng có đệ nhất ba-la-mật. Còn như y chiếu vào tục đế thì bèn đặt cho nó cái tên là đệ nhất ba-la-mật.

Tu-bồ-đề! Như-lai nói nhãn nhục ba-la-mật tức không phải nhãn nhục ba-la-mật, ấy gọi là nhãn nhục ba-la-mật.

Phật nói nhãn nhục là một ba-la-mật. Nhãn nhục phải là vô tướng, vì nếu có tướng tức là nhãn nhục mà chấp tướng, và phàm chấp tướng tức không phải chân chánh nhãn nhục. Chân chánh nhãn nhục là không ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Một khi không còn bốn tướng thì còn cái gì để nhãn nhục nữa? Cho nên có câu: “Chiếu theo trung đạo, là nhãn nhục ba-la-mật, giả thử nhân không, pháp không, cái không cũng không, thì đâu còn cái gì mà nhãn nhục ba-la-mật?” Danh xưng ba-la-mật là chiếu theo tục đế mà thôi.

Tại sao? Tu-bồ-đề! Như ta thuở xưa bị vua Ca-lợi chặt đứt thân thể...

Câu hỏi “tại sao,” tức là vì duyên có gì mà nhãn nhục ba-la-mật lại gọi là chẳng nhãn nhục. Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng, cũng giống như năm xưa, khi Phật còn trong thời kỳ tu nhân, Ngài bị vua Ca-lợi cắt xẻo thân thể... Ca-lợi, có chỗ phiên âm thành chữ Ca-lăng-ca (Kalinga), ở đây ngài Cưu-ma-la-thập dịch âm là Ca-lợi; có kinh khác viết

chữ “ca” là ca hát, lại có chỗ dùng chữ “cát,” nghĩa là cát, thay chữ “ca,” ý hẳn muốn nêu rõ ý nghĩa là cát xẻo thân thể của vị tiên nhân nhục (một kiếp quá khứ của Đức Phật).

Trong thời tu nhân, Ngài đã từng làm thân một vị tiên nhân nhục, ở trong rừng núi, không xa thành của vua Ca-lợi là bao nhiêu. Một hôm, vua Ca-lợi đi săn ngoài thành, đem theo quân lính cùng văn võ bá quan, cũng như một số cung phi, cung nga và thể nữ, theo hầu.

Khu vực săn bắn rất rộng lớn, vua Ca-lợi đi vào núi lũng kiếm các loài hươu nai rừng, hay hổ báo v. v. nhưng số cung tần thì nhát gan, không dám đi theo sát nhà vua để trực tiếp dự cuộc săn đuổi. Họ nhác thấy trong rừng một người trẻ tuổi, nên động lòng hiếu kỳ, đến tận nơi gặp thì thấy vị thanh niên này có tóc dài, mặc áo quần lam lũ, họ rất hãi sợ, cho rằng đây chính là yêu quái. Tiên nhân nhục bèn nói cho họ an tâm rằng mình không phải là dã thú mà chỉ là người tu đạo. Tu đạo là nghĩa gì? Số cung tần, thể nữ ở đây chưa hề nghe ai nói tới mấy chữ tu đạo, thấy người đó cũng nói năng, nên bạo dạn tới gần để trò chuyện. Tiên nhân nhục giảng Phật-pháp cho họ nghe. Quả là lần đầu, họ được thấy những gì chưa hề được thấy, được nghe những gì chưa hề được nghe, họ chăm chú lắng tai, lòng vui sướng, tâm thần cơ hồ bị thấm hút, không còn biết tới mọi sự xung quanh.

Đương lúc mãi miết săn đuổi hươu nai, vua Ca-lợi chợt quay đầu lại nhìn, chẳng thấy cung nga thể nữ của ông đâu, bèn quay trở lại tìm kiếm, thì kiếm ra chỗ của vị tu hành. Từ đằng xa trông, nhà vua chỉ thấy số cung nga xúm lại chung quanh một người, và không rõ người này nói những chuyện gì với đám cung nga. Vua bèn từ từ rón rén đi lại, thám thính, đến gần nghe thấy vị tiên nhân nhục giảng Phật-pháp, còn đám phụ nữ thì

tất cả đều chú mục ngưng thần, quên hết mọi sự, chẳng biết là có vua Ca-lợi đi tới.

Vua Ca-lợi cất tiếng hỏi:

– Người làm gì ở đây?

Tiên nhân nhục đáp:

– Tôi là người tu đạo.

– Tu đạo thì đã chứng quả A-la-hán chưa?

– Chưa chứng quả A-la-hán.

– Chứng quả bất hoàn (tam quả, A-na-hàm) chưa?

– Chưa chứng tam quả.

Vua Ca lợi nói:

– Trong thế gian này có một số tiên nhân, hít thở khí và ăn trái cây để sống. Họ vẫn còn lòng dục về tham, về dâm. Người trẻ tuổi như thế, lại chưa chứng quả, vậy có lòng dâm dục chăng?

Tiên nhân nhục đáp:

– Tôi cũng chưa đoạn hết được.

Vua Ca-lợi nổi giận nói rằng:

– Người chưa đoạn hết được lòng dâm dục, trông thấy phụ nữ như thế này, làm sao nhẫn được?

– Tuy tôi chưa đoạn được dâm, nhưng tôi không hề khởi tâm dâm, tôi quán mọi sự đều vô thường, tôi tu tập quán chín loại bất tịnh (cửu chủng bất tịnh quán).

– Người nói tu quán chín loại bất tịnh, đó chỉ là điều lừa dối, vậy người có bằng cứ gì chứng tỏ không hề khởi tâm dâm?

– Tôi có thể nhẫn không khởi tâm dâm, cái gì tôi cũng có thể nhẫn nhịn.

– Người bảo có thể nhẫn được. Tốt lắm! Ta xẻo cái tai của người coi thử ra sao?

Nói rồi, vua Ca-lợi rút kiếm ra cắt đứt tai của tiên nhân nhục.

Các quan văn võ trông thấy vua Ca-lợi cắt tai của tiên nhân nhục, mà người này không tỏ chút gì đau khổ cả, mới tâu rằng:

– Đại vương nên dừng tay. Người này chính là một vị đại sĩ, là một Bồ-tát, đại vương không nên cắt thêm nữa.

Vua Ca-lợi nói:

– Các ông làm sao biết người này là Bồ-tát?

– Khi đại vương cắt tai y, sắc mặt y vẫn không biến đổi, làm như chẳng có chuyện gì xảy ra.

– Làm sao biết hẳn coi như chẳng có chuyện gì xảy ra? Biết đâu lòng hẳn rất là căm hận ta, ta hãy thử nữa coi?

Nói xong, vua Ca-lợi vung kiếm cắt luôn mũi của tiên nhân nhục, và nói:

– Người có căm hận không?

– Tôi không căm hận.

– Người vẫn chưa chịu nói thật. Người có thật sự nhẫn được chăng, ta chặt tay của người, thì sẽ biết, thử coi lúc đó người có tâm sân hận không?

Tiên nhân nhục đáp:

– Không có.

– Người vẫn nói là không có tâm sân hận, ta không tin. Ta không thể tin rằng trong thế gian lại có kẻ bị người ta xẻo tai, cắt mũi, chặt cả hai tay, mà lòng lại không sân hận, cái đó thật là kỳ quái.

Nói xong, vua Ca-lợi chặt chân của tiên nhân nhục rồi hỏi:

– Người vẫn chẳng sân hận ư?

– Không sân hận.

Vua chặt nốt chân kia, vậy là hai chân, hai tay, một mũi, hai tai đều bị cắt. Vua hỏi tiếp:

– Bây giờ, người có sân hận hay không?

Vị thanh niên vẫn một mực trả lời:

– Không sân hận.

Lúc bấy giờ, trên tầng trời, các vị Tứ Đại Thiên Vương giận lắm bảo rằng: “vua Ca-lợi này thiệt là người không phải. Vị này là người tu hành, người coi rẻ người ta quá đáng, chúng ta là hàng họ pháp, phải trừng phạt người.” Sau đó, các vị trời cho mưa đá xuống, rồi nổi gió làm cát đá bay mù

mịt.

Vua Ca-lợi thấy vậy, biết là tai họa, trong lòng hãi sợ liền đến trước vị tu hành vừa cắt tay, cắt chân, vừa mất tai và mũi, năn nỉ rằng:

– Bây giờ tôi đã biết làm lỗi, trời đã trừng phạt tôi, xin ông đừng có lòng sân hận tôi, đừng tức giận tôi!

– Tôi không tức giận, tôi không sân hận ông đâu.

Vua Ca-lợi nói:

– Tôi không tin, nếu ông không tức giận, tại sao trời lại trách phạt tôi?

Tiên nhân nhục đáp:

– Đây là bằng chứng! Nếu thực tâm tôi không sân hận ông, thì tay, chân, tai, mũi của tôi lập tức khôi phục lại như cũ.

Nói xong, quả nhiên thấy tay, chân, tai và mũi của tiên lại mọc ra như cũ. Tiên nói:

– Đợi ngày nào tôi thành Phật, người đầu tiên là ông, tôi sẽ độ cho thành đạo nghiệp.

Bởi vậy, sau khi đức Thích Ca thành Phật, đầu tiên Ngài độ cho Tôn-giả Kiền-trần-như, tức là vua Ca-lợi trong kiếp xưa thời quá khứ.

Một số người nghe kinh tới đoạn này có thể nghĩ rằng nếu có vị tỳ-kheo nào, ở trong núi tu nhân nhục, ta cứ đến cắt tai, mũi người đó, người đó sẽ phát nguyện độ cho ta trước tiên. Nhưng ta phải nhớ rằng, muốn được vậy, ta cần phải gặp cho đúng Phật *Thích Ca Mâu Ni*, mới có được tấm lòng từ bi và nhân nhục như vậy; gặp phải người chẳng có từ bi nhân nhục như Đức Phật, thì với sự sân hận của người đó, ta ắt là bị đọa vào địa ngục vô gián, do đó chúng ta chớ nên coi thường mà bắt chước cách đó.

Lúc đó ta không tương ngã, không tương nhân, không tương chúng sanh, không tương thọ giả.

Đức Phật cho hay trong thời gian làm tiên nhân nhục, lúc Phật bị vua Ca-lợi cắt thân thể ra từng mảnh, Ngài không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Ngài đã từng kinh nghiệm qua pháp nhãn nhục ba-la-mật, nay Ngài kể cho mọi người nghe.

Tại sao? Lúc xưa, khi thân thể bị chặt đứt từng mảnh, nếu ta có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì ta ắt là đã sanh tâm sân hận.

Đức Phật nói: “Đương lúc vua Ca-lợi cắt tai, cắt mũi, chặt tay chân ta, nếu ta có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, thì ắt là ta đã sanh tâm sân hận. Tại sao vậy? Bởi còn cái ‘ngã.’ Chùng nào còn ‘ngã,’ thì vẫn còn tâm sân hận. Cho nên lúc đó, vì không còn ‘ngã,’ ta không hề khởi lòng sân hận, và phát nguyện xong thì tay chân, cùng tai mũi, mọc lại như cũ. Nếu vào lúc đó, còn chút nào sân hận trong lòng ta, thì điều nguyện của ta cho tứ chi khôi phục lại đâu có thể thành tựu.”

Tu-bồ-đề! Lại nhớ kiếp quá khứ, ta làm tiên nhân nhục trong năm trăm đời, vào thuở ấy không tướng ngã, không tướng nhân, không tướng chúng sanh, không tướng thọ giả. Bởi thế, Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải nên lìa tất cả tướng, phải nên phát tâm a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, chẳng nên sanh tâm trụ nơi sắc, chẳng nên sanh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm không chỗ trụ. Nếu tâm có chỗ trụ, tức là không phải trụ.

Đức Phật nói: “Tu-bồ-đề! Ta nhớ những kiếp xưa làm

tiên nhân nhục trong năm trăm đời, trải qua bao nhiêu kiếp đó, đối trước mọi sự ta đều phải nhẫn nhục, không vướng mắc vào các tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Mọi sự gian nan khổ sở, ta đều phải nhẫn chịu. Cho nên làm Bồ-tát là phải lìa mọi tướng, phải phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ tát cũng không được chấp trụ vào cảnh giới của lục trần, không chấp trước vào sắc mà sanh tâm, không trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm chấp trước; phải nên sanh tâm “không chỗ trụ” (tâm không chấp trước vào gì cả), tất cả phải cho viên dung, vô ngại. “Nếu tâm có chỗ trụ, tức là chẳng phải trụ.” Nếu như tâm của ta mà chấp trước, tức chẳng phải “sanh tâm không chỗ trụ” (như kinh đã nói). Còn có chấp, tức có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.”

Bởi vậy nên Phật nói tâm Bồ-tát không nên trụ vào sắc mà bố thí.

Cho nên tâm của Bồ-tát không nên chấp trước vào sắc khi bố thí.

Bồ-tát thì tu lục độ vạn hạnh. Riêng bố thí là bao gồm đầy đủ cả sáu độ, tại sao vậy? Bố thí có các loại như tài thí, pháp thí, vô úy thí. Tài thí là bố thí tư liệu để người ta sanh sống, cũng là nằm trong độ bố thí của sáu độ nói trên.

Nay nói về pháp thí. Như quý vị thuyết pháp cho những ai đối với quý vị không có tâm oán hại, chẳng hạn, khiến cho họ trở thành kẻ vô úy, khiến họ xa lìa tâm sợ hãi, như vậy quý vị đã thực hiện trì giới, một độ trong lục độ. Trong trường hợp những kẻ đó đối với quý vị có lòng oán hại, vì trước đó giữa hai bên với nhau đã xảy ra một chuyện gì không phải, quý vị vẫn nói pháp để họ có thể xa lìa sợ hãi, tức là quý vị đã tu nhẫn nhục, một độ trong lục độ. Quý vị hoan hỷ vì người nói pháp, không biết mệt mỏi, hiểu biết chút nào nói

chút ấy, không ngại khó khăn, không lười biếng, đó là độ tinh tấn. Quý vị lại biết nói pháp làm sao để có lớp lang, trong một tinh thần chuyên nhất, điều trước điều sau thông suốt, không lẫn lộn. Nói pháp không lảm, không loạn gọi là “như pháp,” và như vậy tức là độ thiền định ba-la-mật. Quý vị có được công phu thiền định mới tới được trạng thái không lảm loạn này. Nếu như thiếu công phu thiền định thì mỗi lần lên đài giảng kinh, tay chân quý vị không khỏi có sự lúng túng. Có ai hỏi vấn đề gì sẽ làm quý vị hoang mang, đó là tình trạng không có công phu thiền định. Khi đã có định lực, thì lúc giảng pháp có thể phân tích các pháp tướng một cách rành rọt, không lộn xộn lảm lạp, như vậy gọi là có thiền định ba-la-mật,

Quý vị còn có một loại gọi là *huệ biện vô ngại*. Huệ là trí tuệ, biện là biện tài, ở ý là trí tuệ, ở miệng là biện tài. Có trí tuệ thì nói ra mới thành biện tài. Gọi là có biện tài, tức là nói chỗ nào cũng là đạo, đâu đâu cũng là gốc nguồn, nói cái gì cũng thành đạo lý cả, bởi chưng huệ biện vô ngại cũng là độ bát-nhã (tức huệ).

Vì những lý do kể trên, nên riêng độ bố thí — tài thí, pháp thí, vô úy thí, ba loại — gồm đủ cả lục độ ba-la-mật (bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ).

Tu-bồ-đề! Vì để lợi ích tất cả chúng sanh, Bồ tát phải nên bố thí như thế.

Đức Phật lại dạy Ngài Tu-bồ-đề rằng các vị Bồ-tát, vì để lợi ích tất cả chúng sanh, phải nên sanh tâm không chỗ trụ (mà ta vừa nói) để thực hành việc bố thí. Chúng ta làm bố thí không nên để vướng mắc vào tướng bố thí. Thí dụ chúng ta không nên nói như thế này: “Lần bố thí này, tôi là kẻ bố thí, chỗ đó lãnh thọ sự bố thí, rồi của

bố thí là chùng đó tài vật,” hoặc giả nói: “Tôi đã nói pháp chùng đó, giáo hóa chùng đó chúng sanh.” Đây là những tướng mà chúng ta không nên chấp trước. Pháp Phật dạy chúng ta bỏ chấp. “Gió mát, trăng trong tùy thời hiện.” Để cảnh giới đến đi một cách tự nhiên, chớ chấp trước. Chấp tướng bố thí là tu phước cõi trời, còn tu đến quả Phật thì không thể chấp tướng. Tuy nói là không chấp tướng nhưng chúng ta vẫn thực sự làm bố thí thì mới đúng, chớ chẳng phải hễ nói không chấp tướng thì liền cho rằng cái gì cũng không, không cả làm bố thí. Đây là rơi vào *ngoan không*, không hợp với đạo.

Như-lai nói tất cả các tướng, tức là phi tướng, lại nói tất cả chúng sanh, tức là phi chúng sanh. Tu-bồ-đề! Như-lai nói lời chân, nói lời thật, lời như như, lời không dối, lời chẳng sai khác.

Phật nói tất cả mọi tướng (bổn lai) vốn là không có tướng, lại nói rằng tất cả mọi chúng sanh là chẳng chúng sanh. Tự tánh của chúng sanh vốn là Phật. Lúc mê là chúng sanh, khi giác ngộ là Phật. Thuyết Phật-pháp để giáo hóa chúng sanh, tương lai chúng sanh đều quay được trở lại về nguồn để thành Phật. Đức Phật nói đến đây e rằng mọi người có thể kinh hãi, hồ nghi mà không tin, nên mới nói tiếp: “Như-lai nói lời chân, lời thật, lời như như, lời không dối, lời bất dị.” Ý Phật nói những lời đó là thành thật, không phải lời nói bậy bạ, không phải là chuyện kỳ quái, hoang đường...

Tu-bồ-đề! Pháp mà Như-lai chứng đắc, pháp ấy không thật, không hư.

Phật bảo Tu-bồ-đề rằng pháp mà Như Lai chứng được chính là Chân Không, không có thật thể. Tuy không có thực thể, nhưng trong cái chân không đó lại sanh ra

Diệu Hữu. Chân không không ngăn ngại diệu hữu, diệu hữu không ngăn ngại chân không, cho nên nói “pháp ấy không thật không hư.” Không thật không hư là nghĩa gì? Nghĩa là nếu không chấp tướng, xa lìa chấp tướng thì đó là chân không diệu hữu.

Tu-bồ-đề! Nếu tâm Bồ-tát trụ ở pháp mà làm bố thí.

Phật bảo Ngài Tu-bồ-đề phải nên biết rằng, nếu Bồ-tát tu Bồ-tát đạo mà theo pháp hữu vi làm bố thí, chấp tướng mà bố thí, thì đó chỉ là lối tu phước báo các tầng trời, hoặc tu phước nhân gian mà thôi, bởi vậy có câu:

*Chấp tướng bố thí được phước trời,
Như dùng tên bán hướng không
trung,
Chờ khi đà hết tên liền rớt,
Lại tới kiếp sau chẳng vừa lòng.*

Người chấp tướng làm bố thí thì có thể hưởng phước báo sinh lên cõi trời, đó là ý nghĩa lấy tên bán lên không trung. Tên phóng lên sẽ tới lúc hết đà, bèn rớt xuống, như cánh sanh lên tầng trời, hưởng phước, hết phước rồi lại đọa xuống làm người thế gian, để chịu các cảnh khổ. Đó là bố thí hữu lậu, vì theo pháp hữu vi thì sẽ hưởng phước hữu lậu, chưa phải tới chỗ rốt ráo.

Thì như người vào chỗ tối chẳng thấy gì cả.

Ở đây Phật ví dụ trường hợp trụ ở pháp hữu vi hay chấp tướng mà làm bố thí, giống như người “vào chỗ tối chẳng thấy gì cả.” Như quý vị làm công đức hữu lậu, kết quả là được sanh lên các tầng trời, tuy có hưởng phước, nhưng vẫn là thiếu trí huệ chân chánh, coi như là thiếu ánh sáng vậy. Một khi thiếu trí huệ chân chánh thì sẽ không nghe thấy Phật-pháp, cũng giống như trường hợp không trông thấy gì hết.

Nếu Bồ-tát tâm chẳng trụ pháp mà làm bố thí, thì như người có mắt, thêm mặt trời chiếu sáng nữa, thấy hết mọi hình sắc.

Giả thử vị Bồ-tát đó làm bố thí mà lòng không có chút gì chấp trước cả, tức là vị đó tu pháp vô vi, quả sẽ là quả vô lậu, giống như trường hợp người có mắt, nghĩa là có trí huệ, lại được “thêm mặt trời chiếu sáng nữa, thấy hết mọi hình sắc.” Ánh sáng mặt trời cũng như ánh sáng trí huệ, trí huệ này chiếu sáng mọi nơi, vì vậy mà mọi hình sắc đều có thể trông thấy hết.

Tu-bồ-đề! Đòi sau này, nếu có người thiện nam, người thiện nữ, có thể thọ, trì, đọc, tụng kinh này, thì trí huệ của Như-lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều thành tựu công đức vô biên vô lượng.

Phật bảo: “Tu-bồ-đề! Đòi sau, nếu có thiện nam và thiện nữ, đọc, tụng, thọ, trì *Kinh Kim Cang* này thì trí huệ của Như-lai sẽ biết và thấy rằng kẻ đó tu hành, và tương lai người đó sẽ được vô lượng vô biên công đức.”

Ở đâu mà có nhiều công đức như vậy? Không có chỗ nào có cả. Chúng ta càng tìm, càng kiếm không ra, Phật-pháp màu nhiệm tại chỗ này.

(Bồ Đề Hải sẽ không tiếp tục đăng phần còn lại của Kinh Kim Cang Thiển Thích, nhưng sẽ đăng “Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh Lược Giải” từ số sau).



Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh

Hán dịch: Đường, Tây Thiên Trúc, Sa Môn Già Phạm Đạt Ma

Thiền giảng: Vạn Phật Thánh Thành, Hòa Thượng Tuyên Hóa.

“Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh” là tên gọi đầy đủ của bộ kinh này, mà gọi tắt là “Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh.” Trong đó, “Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni” là tên riêng (biệt danh), và “Kinh” là tên chung (thông danh). Vì sao gọi là tên riêng? Bởi vì chỉ riêng bộ kinh này được gọi bằng tên ấy mà thôi, các kinh điển khác đều không được mang trùng tên. Ngoài ra, vì các sách ghi chép lời thuyết giảng của Đức Phật đều được gọi là kinh, cho nên chữ “Kinh” được xem là tên chung.

Bộ kinh này lấy gì để lập danh? Lấy đầy đủ cả “Nhân, Pháp, Dụ” để lập danh. “Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát” là Nhân (người); “Quảng Đại Viên

Mãn Vô Ngại” và “Đại Bi Tâm” là Dụ (tỷ dụ); “Đà La Ni” là Pháp. “Đà La Ni” là tiếng Phạm; Trung ngữ dịch là “Tổng Trì.” Do đó, “Tổng Trì” là Pháp—loại pháp Tổng Trì. Vậy, tên đề của bộ kinh này có đủ Nhân, Pháp, Dụ.

Trước hết xin giảng về từ ngữ “Thiên Thủ Thiên Nhân” (ngàn tay ngàn mắt). Làm sao lại có ngàn tay, ngàn mắt? Đó là hiện tượng oai đức thần thông, được lưu xuất từ chỗ chứng đắc của sự trì niệm Chú Đại Bi. Chúng ta không nên xem việc tu niệm Chú Đại Bi là quá dễ dàng, đơn giản! Chú Đại Bi này cần phải có thiện căn sâu dày từ nhiều đời trước mới có thể gặp được. Nếu không có thiện căn thuộc loại thâm hậu từ đời trước thì chưa nói đến tụng niệm Chú Đại Bi, mà chỉ muốn nghe thấy ba chữ “Chú Đại Bi” cũng khó có cơ hội; cho đến tên gọi cũng khó được nghe tới,

huống hồ là thấy! Bây giờ, chúng ta không những được thấy mà còn có thể trì tụng nữa, đó là việc hết sức hy hữu; có thể nói là “trăm ngàn vạn kiếp khó tìm gặp” — dù trải qua trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp cũng khó mà gặp được vậy. Hiện chúng ta nhờ có thiện căn chín muồi ở đời trước nên mới được nghe đến ba chữ “Chú Đại Bi,” mới được tham học, trì tụng chương cú thần diệu của Chú Đại Bi, và mới có thể thuộc được Chú Đại Bi. Đó là do có thiện căn, có chủng tử khó nghĩ bàn từ đời trước nên nay mới được như thế.

Vì vậy, hôm nay chúng ta, những người đến nghe Chú Đại Bi, đều là những người có thiện căn. Quý vị thử nghĩ xem: Trên thế giới này có bao nhiêu người chưa từng được nghe đến tên Chú Đại Bi? Trọn cả thành phố Cựu Kim Sơn này có thể có trên năm trăm người được nghe tới tên Chú Đại Bi chăng? Tôi tin là không! Thành phố Cựu Kim Sơn có được bao nhiêu cư dân? Quý vị cứ theo đó mà tính thì có thể suy ra số người có thiện căn trên thế giới là bao nhiêu ngay. Cho nên, nay chúng ta được nghe đến danh hiệu của Chú Đại Bi thì mỗi người phải sanh tâm hoan hỷ, vui mừng, phải trân quý và phải biết đó là điều khó tìm khó gặp! Không dễ gì mà gặp được Chú Đại Bi, nay gặp được rồi thì phải thật sự khắc cốt ghi tâm, chớ nên xem nhẹ mà thờ ơ bỏ qua!

Lần này, quý vị được nghe giảng bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni, âu cũng là một cơ duyên bất khả tư nghì. Số là mấy tháng trước, lúc bộ Kinh Kim Cang sắp được



giảng xong, thì các vị hộ pháp của Phật Giáo Giảng Đường là Quả Địa, Quả Ninh và Quả Tiền ngỏ ý muốn được nghe giảng bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni. Vì sao họ muốn tìm hiểu bộ Kinh này? Bắt đầu từ năm ngoái, ở Phật Giáo Giảng Đường này mỗi tuần đều có dạy pháp môn bí mật Bốn Mười Hai Thủ Nhãn. Pháp môn này không chỉ là bí mật mà vốn từ trước đến nay tôi chưa hề truyền dạy cho ai cả. Song, sang đến Mỹ quốc, tôi nghĩ là cần đem pháp môn bí mật bất truyền này truyền dạy cho quý vị, những người Mỹ có thiện căn. Vì vậy, kể từ năm ngoái, tôi bắt đầu dạy Bốn Mười Hai Thủ Nhãn, một pháp môn vi diệu bất khả tư nghì. Tuy nhiên, tôi chẳng hề đến bất cứ nơi nào rêu rao: “Này, tôi có mật pháp nhưng chẳng truyền cho ông đâu!” Mặc dù là pháp bí mật, song tôi vẫn đem truyền bá. Truyền cho những ai? Tất nhiên tôi phải “chọn mặt gửi vàng,” chỉ

truyền cho những người có đại thiện căn, có quy y Tam Bảo và thâm tín Phật Pháp.

Sau khi tôi truyền xong Bốn Mười Hai Thủ Nhân thì có mấy vị sanh lòng khát ngưỡng đối với bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni, muốn hiểu rõ kinh nghĩa của Bốn Mười Hai Thủ Nhân này. Cho nên, do cư sĩ Quả Địa khởi xướng, mọi người mời tôi giảng bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni. Lúc ấy, tôi thấy khó mà từ khước trước lòng thành của nhóm Phật tử này, nên đã bằng lòng nhận giảng Kinh Đà La Ni. Nhưng giảng xong Kinh Kim Cang thì lại tiếp tục giảng Tâm Kinh. Tâm Kinh tuy là hai trăm mấy chục chữ nhưng giảng xong cũng mất hết hai, ba tháng. Thật ra trong hai, ba tháng ấy tôi chỉ giảng vào ngày Chủ nhật mà thôi, chứ không phải là ngày nào cũng giảng. Nếu ngày nào cũng giảng thì khoảng một hoặc nửa tháng là xong. Hiện tại Tâm Kinh đã giảng xong, bây giờ bắt đầu giảng bộ Đại Bi Đà La Ni Kinh.

Đây là một bộ Kinh có thể nói là hầu hết quý vị chưa từng được nghe qua; và chẳng riêng gì quý vị mà ngay cả người Trung Hoa cũng vậy, số người được nghe đến bộ Kinh này cũng rất ít. Người Trung Hoa mà đã được nghe, rồi có thể giảng giải nghĩa lý của Kinh một cách tường tận cũng là không dễ, cũng là hy hữu vậy!

Vì vậy, bây giờ tôi đem bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni này giảng cho quý vị nghe thì mỗi người, trước hết, phải quét sạch tất cả những “rác rưởi” trong đầu óc của mình. Đừng khởi nhiều vọng tưởng, đừng quá nặng lòng tham, chớ sanh tâm sân hận và

cũng chớ quá si mê. Phải quét sạch những rác rưởi tham sân si trước; đó cũng chính là quét dọn sạch sẽ tất cả những đồ “xú uế” trong mỗi người. Phải thu dọn và quét sạch mọi thứ bất tịnh trong chính mình ra ngoài, để sau đó có thể chứa đựng nước cam lồ pháp vị. Bây giờ quý vị mới có thể thanh tịnh mà chứng đắc pháp lực của pháp môn này. Đây là điều tối trọng yếu, quý vị cần lưu tâm!

Bây giờ giảng về từ ngữ “Thiên Thủ Thiên Nhân (ngàn tay, ngàn mắt).”

Có người nói rằng: “Phải tu pháp Đại Bi Đà La Ni thì mới đạt được ngàn tay ngàn mắt; thế nhưng ‘ngàn tay ngàn mắt’ này dùng để làm gì?” Và còn cho rằng: “Chúng ta mỗi người có được hai tay, hai mắt là đã tốt quá rồi. Hai tay có thể giúp ta cầm nắm đồ vật, hai mắt cho ta nhìn thấy mọi điều; thế thì còn muốn có nhiều mắt, nhiều tay như vậy để làm gì? Xét ra, hiện chúng ta đang ở vào thời đại khoa học, nhiều tay nhiều mắt đến thế cũng chẳng ích lợi gì!” Vậy, nếu quý vị chê nhiều thì khởi cần tu pháp Đại Bi!

Bây giờ tôi giải thích từ ngữ “Thiên Nhân (ngàn mắt)” trước. Quý vị đều có hai con mắt, và quý vị phải mở mắt ra nhìn thì mới thấy được sự vật, nếu nhắm hai con mắt này lại thì không còn trông thấy gì nữa. Tuy nhiên, nếu quý vị có một ngàn con mắt thì có thể khiến chúng thay phiên nhau làm việc—cho con mắt này nhắm lại để nghỉ ngơi, mở con mắt kia ra để nhìn ngó; quý vị thấy có vi diệu không nào? “Ngàn mắt” này được gọi là “thiên nhân

chiếu kiến” (ngàn mắt chiếu soi). Con mắt phàm của chúng ta chỉ có thể nhìn thấy trong phạm vi mười hoặc hai mươi dặm; nếu quý vị dùng kính viễn vọng thì có thể thấy xa tới khoảng một trăm dặm, còn xa hơn nữa thì e rằng không đủ khả năng. Nếu quý vị có được một ngàn con mắt thì thế nào? Trăm dặm, ngàn dặm, vạn dặm, tận hư không, khắp Pháp Giới—vô số vô biên hành tinh và hệ ngân hà—quý vị đều có thể thấy rõ. Bây giờ, không cần xem vô tuyến truyền hình mà quý vị vẫn có thể biết được: “Ồ! Hai phi hành gia đang đi trên mặt trăng!” Quý vị thấy có vi diệu hay không? Hiện tại quý vị phải nhờ vào ti-vi mới có thể thấy được con người đặt chân lên nguyệt cầu; nhưng nếu quý vị có ngàn mắt thì khỏi phải dùng ti-vi mà vẫn thấy được rõ ràng. Chẳng những khỏi cần ti-vi mà quý vị còn khỏi cần trang bị ăng-ten hay hệ thống ra-đa, và cũng chẳng phải trả tiền nữa—bớt được bao nhiêu là rắc rối! Quý vị bảo rằng có một ngàn con mắt là không tốt ư? Bây giờ quý vị biết đó là điều tốt rồi chứ?

Chẳng những thế, với ngàn con mắt này, quý vị có thể từ phía trước thấy được phía sau, từ đằng sau trông rõ đằng trước. Hư Vân Lão Hòa Thượng có câu thơ rằng:

Não hậu kiến tai kinh điều tử,
Đỉnh môn cụ nhãn tróc phi hùng.
(Sau đầu thấy má: chụp điều hậu,
Cửa đỉnh đủ mắt: tóm gấu bay.)

Chúng ta vốn không thể nào thấy được

mặt mũi của chính mình; tuy nhiên, nếu quý vị có ngàn mắt thì ở phía sau có thể nhìn thấy phía trước, ở phía trước cũng có thể nhìn thấy phía sau—có thể thấy được bản lai diện mục của chính mình. Bây giờ, quý vị cũng có thể thấy được những gì ở trong bụng mình, biết được trong đó có bao nhiêu con trùng chết, trùng lười biếng... Từ bên ngoài quý vị có thể thấy rõ bên trong và từ phía trong quý vị có thể thấy rõ phía ngoài, giống như nhìn xuyên qua bức tường bằng pha-lê hay thủy tinh vậy. Bụng quý vị lúc ấy tựa như pha-lê—lóng lánh, trong suốt, không còn có sự ngăn cách giữa trong và ngoài. Nhờ đó, quý vị có thể thấy được tim mình hình thù như thế nào, bụng mình muốn nói điều gì, và cũng biết được mọi ý tưởng cũng như mọi hoạt động của các *machines*—các cơ quan—trong cơ thể mình. Thế nào, bây giờ quý vị có muốn có ngàn mắt không? Quý vị có còn cho rằng có hai con mắt là đủ rồi nữa không? Tôi e rằng bây giờ quý vị cũng nhận thấy như thế là chưa đủ. Ngàn mắt có nhiều diệu dụng như vậy đấy!

Còn “Thiên Thủ (ngàn tay)” thì sao? Tay dùng để cầm nắm đồ vật. Không cần nói đâu xa, bây giờ chúng ta hãy lấy việc cầm tiền làm thí dụ. Quý vị có hai tay, mỗi tay có thể cầm được mười ngàn đồng chẳng hạn; vậy nếu tôi có một ngàn tay thì tôi có thể cầm được mười triệu đồng. Quý vị không thể nào một lúc mà cầm được nhiều tiền như tôi, quý vị thấy có kỳ diệu không chứ? Hoặc lấy một thí dụ khác, như chia táo chẳng hạn. Quý vị cứ tha hồ, lấy được

bao nhiêu táo thì lấy. Tất nhiên, nếu quý vị có một ngàn tay thì lấy được một ngàn trái táo, có hai tay thì chỉ lấy được hai trái. Quý vị xem, như vậy có hữu dụng không chứ? Tuy nhiên, ngàn tay này chẳng phải để dùng vào chuyện vật vãnh, tầm thường, cũng chẳng phải dùng để tranh ăn như trò chơi của trẻ con.

Công năng của ngàn tay là cứu người. Thí dụ có một ngàn người bị té xuống biển, quý vị có hai tay thì tay này kéo một người, tay kia lôi một người, tức là chỉ có thể cứu được hai người mà thôi. Nếu quý vị có được một ngàn tay thì chỉ việc thò luôn một ngàn cánh tay xuống biển là vớt được cả một ngàn người suýt bị chết đuối ấy lên bờ. Quý vị thắc mắc là một ngàn cánh tay này dùng để làm gì ư? Để cứu người đấy! Cho nên nói:

“Thiên Nhân chiếu kiến, Thiên Nhĩ diêu văn, Thiên Thủ hộ trì.”

(Ngàn mắt chiếu soi, Ngàn tai lắng nghe, Ngàn tay cứu giúp.)

Ngàn tay là để hộ trì tất cả chúng sanh—nếu như có một chúng sanh có khổ nạn gì thì quý vị chỉ cần duỗi một cánh tay ra là cứu được chúng sanh ấy thoát vòng khổ ải. Nếu chỉ có hai tay thì quý vị không thể cứu độ được nhiều người. Cho nên Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có ngàn tay ngàn mắt là để cứu hộ tất cả chúng sanh, chứ không phải để đi ăn trộm. Quý vị cần phải hiểu rõ điểm này! Không được khoác lác rằng mình có một ngàn cánh tay để hái

trộm một ngàn trái táo!

Ngàn tay và ngàn mắt này rốt ráo là từ đâu đến? Vừa rồi tôi chẳng bảo đó là từ Chú Đại Bi sanh xuất ra hay sao? Quý vị chỉ cần tụng Chú Đại Bi, và tu Đại Bi Pháp của Bốn Mươi Hai Thủ Nhân là được. Thủ Nhân cuối cùng trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhân có tên là Tổng Nhiếp Thiên Tý Thủ. Hễ quý vị tụng câu chú của Thủ Nhân này một biến, thì quý vị sẽ có thêm bốn mươi hai cánh tay. Tụng một biến thì có được bốn mươi hai cánh tay; tụng mười biến thì được 420 tay; tụng một trăm biến thì được 4.200 tay. Nếu quý vị tụng một ngàn biến thì sẽ có được 42.000 cánh tay, và cũng có luôn cả 42.000 con mắt. Vấn đề là quý vị có chịu khó tu tập hay không mà thôi! Bởi, Thiên Thủ Thiên Nhân không phải chỉ trong một sớm một chiều mà thành tựu được. Quý vị tu pháp môn này, nếu ngày ngày đều miệt mài dụng công không hề gián đoạn, ngày ngày đều y Pháp tu hành, thì sẽ thành tựu được thứ diệu dụng bất khả tư nghì. Tuy nhiên, nếu quý vị hôm nay tu, ngày mai nghỉ, thì sẽ chẳng có tác dụng gì cả! Muốn lấy được bằng cấp tiến sĩ của thế gian, thì từ lúc khởi sự học hành cho đến khi thành đạt cũng phải mất khoảng mười bốn, mười lăm năm công phu đèn sách; huống hồ là tu học Phật Pháp? Học Phật Pháp, nếu quý vị không thật sự dụng công hành trì thì chẳng thể nào có sự thành tựu được!

Quán Thế Âm Bồ Tát là vị Bồ Tát tinh tấn nhất, siêng năng nhất, và không hề muốn nghỉ ngơi. Ngài sẵn lòng suốt ngày

cứu độ chúng sanh, chẳng nề hà công việc nhiều vất vả, cũng chẳng quản ngại chúng sanh lắm khổ nạn; cho nên có thể nói rằng Ngài là vị Bồ Tát bận rộn nhất. Ngài không phải là một vị Bồ Tát lười biếng, thích nghỉ ngơi nhàn nhã, mà là một vị Bồ Tát chăm chỉ, cần mẫn nhất. Bởi một cánh tay thì cứu được quá ít người, hai cánh tay thì số người cứu được cũng còn giới hạn; do đó, Ngài muốn có ngàn tay ngàn mắt—một ngàn cánh tay để cứu vớt và một ngàn con mắt để chiếu cố tất cả chúng sanh trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới. Các chúng sanh mà Ngài chiếu cố đều là những chúng sanh gánh chịu nhiều đau khổ, và các chúng sanh mà Ngài cứu độ là những chúng sanh gặp phải tai ương, hoạn nạn.

Chữ “Quán” trong “Quán Thế Âm Bồ Tát” có nghĩa là quán sát, theo dõi. Quán sát cái gì? Quán sát thế giới này. Quán sát cái gì ở thế giới này? Quán sát âm thanh của thế giới này. “Quán” chính là trí huệ năng quán, tức là chủ thể trí huệ quán sát. “Thế” là cảnh giới sở quán—đối tượng, cảnh giới được quán sát—và đó chính là tất cả chúng sanh trong thế giới này.

Chúng sanh lúc khốn khổ gian nan thì thường nghĩ đến ai? Nghĩ đến người cha đại từ bi, nghĩ đến người mẹ đại từ bi. Người cha đại từ bi ấy là ai? Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm. Người mẹ đại từ bi ấy là ai? Cũng chính là Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhớ nghĩ đến Ngài rồi thì sao? Họ liền niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ

Tát...” Họ vừa niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát,” thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền dùng ngàn mắt trí huệ để nhìn, dùng tai trí huệ để lắng nghe, rồi dùng tay trí huệ để cứu vớt họ.

Chúng sanh có tai nạn khổ ách không phải lúc nào cũng lẻ tẻ, lần lượt từng người một. Nếu trăm ngàn vạn ức chúng sanh đồng thời lâm nạn, tức là sẽ có trăm ngàn vạn ức chúng sanh đồng thời cầu cứu, xưng niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát”; thì Đức Quán Thế Âm sẽ đồng thời cứu vớt và tất cả đều sẽ đồng thời được giải thoát, đồng thời được an vui. Vì thế, Bồ Tát Quán Thế Âm được gọi là “Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.”

Bồ Tát luôn cứu giúp con người. Nếu quý vị cứu giúp con người, quý vị chính là Bồ tát; nếu tôi cứu giúp con người, tôi cũng là Bồ tát. Nếu quý vị không cứu giúp con người thì quý vị chính là la-sát; và nếu tôi không cứu giúp con người, tôi cũng là la-sát. Quý la-sát và Bồ Tát Quán Thế Âm mới nhìn dung mạo bề ngoài tưởng chừng như không khác nhau là bao, nhưng sự thật lại hoàn toàn tương phản! La-sát quý nữ rất xinh đẹp, song cũng rất ích kỷ, chỉ biết mưu lợi cho mình mà thôi. Điểm khác biệt chính là một bên thì chỉ biết lợi mình mà không biết lợi người; còn một bên thì chỉ biết lợi người mà không màng đến lợi mình. Cho nên, tướng mạo của Quán Thế Âm Bồ Tát rất viên mãn, dung mạo của la-sát nữ cũng chẳng kém ai, nhưng do tâm địa bất đồng, một niệm sai biệt, mà thành ra khác nhau vậy! (còn tiếp)

heo tài liệu lịch sử, bộ *Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương* được truyền đến nước Trung Hoa vào đời vua Minh-đế nhà Đông Hán.

Bấy giờ, sau khi hay được có một bậc đại Thánh-nhân hạ sanh ở phương Tây mà sự xuất thế cũng như nhập diệt của Ngài đã từng mang lại nhiều hiện tượng kỳ lạ và bất khả tư nghị cho nước Trung Hoa, vua Minh-đế liền phái người sang phương Tây để tìm cầu Phật pháp.

Phái đoàn này đã gặp được Tôn-giả Ca Diếp Ma Đằng và Tôn-giả Trúc Pháp Lan, và cung thỉnh hai ngài sang nước Trung Hoa. Trong chuyến đi vì đạo pháp ấy, hai Tôn-giả đã dùng một con ngựa trắng để chở tượng Phật và bộ *Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương*. Về sau, Hán Minh-đế truyền cất một ngôi chùa ngay tại Kinh đô Lạc-duong để hai ngài an trú và đặt tên là chùa Ngựa Trắng (Bạch Mã tự) để ghi nhớ sự kiện này; và ban sắc chỉ truyền dịch bộ *Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương* sang tiếng Trung Hoa. Đó là nhân duyên khởi điểm của công cuộc truyền bá đạo Phật vào nước Trung Hoa. Vậy, *Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương* là một bộ kinh quan trọng được truyền từ Ấn Độ sang Trung Hoa trước nhất.

Vì sao hai vị cao-tăng này lại chọn bộ *Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương* để truyền bá đến Trung Hoa trước nhất? Phải chăng



đó chỉ là một sự tình cờ?

Bộ Kinh này không phải do Đức Phật nói ra trong một Pháp-hội đặc biệt, mà là do các đệ tử của Ngài đã thấu thập những lời răn dạy vô cùng thâm áo trong suốt cuộc đời của Ngài, rồi kết tập lại cho có hệ thống sau khi Ngài nhập Niết-bàn.

Toàn thể nội dung của bộ kinh này nhấn mạnh về vấn đề “đoạn dục” và “khử ái” với một tiến trình tuần tự từ nhỏ tới lớn, từ nông tới sâu, phản ảnh toàn bộ quá trình thuyết pháp của Đức Phật.

Mở đầu bằng các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán của Tiểu thừa, bộ kinh này lý giải khái niệm “niệm đẳng bốn không,” đồng thời nhấn mạnh về “chân, giả tịnh quán” và “vô trước đắc

Đạo.” Tiếp đến, ý kinh chuyển sang xiển minh ý nghĩa trọng yếu của Trung Đạo; và từ đó, dẫn đến các chân lý tuyệt đối, rốt ráo của Đại-thừa như “chân thực bất hư”, “như như bất động” và “động, tịnh nhất thể.”

Bộ kinh này chữ dùng đơn giản, lời văn mạch lạc, dễ đọc tụng, mà nghĩa lý lại thâm sâu, súc tích vô cùng. Là Phật tử, chúng ta nên thường xuyên đọc tụng bộ kinh này bởi đây chính là một nấc thang trọng yếu trên con đường tu Đạo!

Kể từ số báo tới, Bồ Đề Hải sẽ khởi đăng *Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương* với phần chính văn có kèm theo lời giảng của Hòa Thượng Tuyên Hóa.



Thất và Pháp Hội Thu 2000

Quán Âm Thất:

Tháng 10: từ ngày 15 đến ngày 21
Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát
Xuất Gia sẽ cử hành vào chủ nhật
ngày 15/10.

Phật Thất:

Từ chủ nhật ngày 10 đến thứ bảy ngày
16 tháng 12, chuyên trì niệm hồng danh
đức Phật A Di Đà.

Lễ vía đức Phật A Di Đà sẽ cử hành vào
chủ nhật ngày 10/12.

Thiền Thất:

- ♦ Ba ngày thiền tập vào **Thanksgiving week-end** (từ tối thứ năm ngày 23 đến chủ nhật ngày 26 tháng 11).
- ♦ Ba tuần **thiền thất mùa đông** (ngay sau Phật thất) bắt đầu từ ngày 18 tháng 12 năm 2000 đến ngày 7 tháng 1 năm 2001.



Bồ Đề Hải Online:

<http://www.saigon.com/~fopusa>

Hư Vân Hoà Thượng Hòa Truệ

23. Không Tham Văn Lợi Dưỡng

Trong suốt bốn năm làm chức sự ở chùa Dũng Tuyền, Ngài khổ hạnh tu hành, đảm đương những công việc nặng nhọc; trong chúng có chia phần cúng dường dành cho Thường Trụ, Ngài đều không nhận. Tuy mỗi ngày chỉ ăn một bát cháo mà Ngài vẫn khỏe mạnh, tráng kiện. Lúc bấy giờ, trong núi có Thiên-đức Cổ Nguyệt, vốn là một tấm gương khổ hạnh bậc nhất trong chúng. Ngài thường sang thăm và đàm đạo với Thiên-sư, phát nguyện noi gương bậc cổ đức.

Kệ tán của Hòa Thượng Tuyền Hóa:

*Xuất loại bặt tụy hướng bát đồng,
Khởi thị nhục nhân năng nhận thanh?
Phú quý công danh trí độ ngoại,
Lợi dưỡng hủy dự bất động tâm.*

Nghĩa là:

*Chí hướng khác thường, tài xuất chúng,
Phàm phu mất thịt há nhận ra?
Giàu sang danh vọng: không màng đến,
Lợi lộc chê khen: chẳng bận lòng!*



*Dharma Realm Buddhist Association
City of Ten Thousand Buddhas
P. O. Box 217
Talmage, CA 95481 - 0217, U. S. A.
Tel. (707) 462-0939 / Fax. (707) 462 - 0949
bodehai@hotmail.com*

**Periodicals Postage Paid
at Long Beach, CA**

To : _____

** Bồ Đề Hải sẽ phát hành mỗi 3 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Dharma Realm Buddhist Association (Vạn Phật Thành). Chi phiếu góp phần ấn tống, xin đề: DRBA/Vietnamese Account.*